

**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH**

Số: 280 /BVNDGD-KD

V/v đề nghị báo giá các thuốc thuộc
danh mục Gói thầu thuốc Biệt dược gốc
năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh dược phẩm trên toàn quốc

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội khóa 15;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 19/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

Để có căn cứ xây dựng giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục gói thầu thuốc Biệt dược gốc năm 2026, bệnh viện Nhân dân Gia Định đề nghị Quý công ty báo giá các thuốc có hoạt chất, hàm lượng, dạng bào chế phù hợp theo danh mục (Theo phụ lục đính kèm).

Bệnh viện đề nghị Quý công ty báo giá thuốc theo Danh mục nêu trên đầy đủ các thông tin (Theo mẫu đính kèm).

1. Thông tin liên hệ chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Công ty nộp đầy đủ hồ sơ bản giấy có đóng dấu và bản mềm qua email theo thông tin dưới đây:

Phòng Nghiệp Vụ Dược – Khoa Dược – Bệnh viện Nhân dân Gia Định

Địa chỉ: số 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, TP.Hồ Chí Minh

SĐT: 028.3803.0167 - 028.3841.2692 (nhánh 302).

Email: tothaubvnhandangiadinh@gmail.com

Tiêu đề email ghi rõ “Báo giá thuốc thuộc danh mục Gói thầu thuốc Biệt dược gốc năm 2026 của Công ty.....”

2. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày ra thông báo đến trước 16 giờ 00 phút ngày 09/02/2026.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng website);
- Lưu VT, Khoa Dược (TKN/3b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Hải

DANH MỤC THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC ĐẦU THẦU MUA SẮM THUỐC NĂM 2026

Đính kèm Thông báo số: 280 /BVNDGD-KD ngày 29 tháng 01 năm 2026

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci; L-lysin acetat (tương đương với L-lysin); L-threonin; L-tryptophan; L-histidin; L-tyrosin	Ketosteril hoặc tương đương	BDG	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-lysin acetat 105,0 mg (tương đương với 75 mg L-lysin); L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg. Tổng lượng nitor trong mỗi viên 36mg.	Uống	Viên nén bao phim	Viên	420.000
2	Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrat)	Aclasta hoặc tương đương	BDG	5mg/100ml	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai	200
3	Alectinib	Alecensa hoặc tương đương	BDG	150mg	Uống	Viên	Viên	5840
4	Alfuzosin HCl	Xatral XL 10mg hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	75000
5	Alteplase	Actilyse hoặc tương đương	BDG	50mg	Tiêm	Bột đông khô và dung môi pha tiêm truyền	Lọ	260
6	Aluminium phosphate 20% gel	Phosphalugel hoặc tương đương	BDG	12,38g/gói 20g	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	48000
7	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml hoặc tương đương	BDG	150mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	3000
8	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat)	Amlor hoặc tương đương	BDG	5 mg	Uống	Viên	Viên	10000
9	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	Exforge hoặc tương đương	BDG	5mg Amlodipine, 80mg Valsartan	Uống	Viên nén bao phim	Viên	120000
10	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 625mg tablets hoặc tương đương	BDG	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	12.000

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
11	Amoxicillin(dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat potassium)	Augmentin 1g hoặc tương đương	BDG	Amoxicillin 875mg/Acid clavulanic 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	45000
12	Amoxicillin(dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 500mg/62,5mg hoặc tương đương	BDG	Amoxicillin 500mg/Acid clavulanic 62,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	48000
13	Amoxicillin(dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 250mg/31,25mg hoặc tương đương	BDG	250mg + 31,25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	720
14	Anastrozole	Arimidex hoặc tương đương	BDG	1mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8000
15	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci. 1,5H ₂ O)	Lipitor hoặc tương đương	BD	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	6000
16	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci. 1,5H ₂ O)	Lipitor hoặc tương đương	BDG	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8000
17	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci. 1,5H ₂ O)	Lipitor hoặc tương đương	BDG	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	6000
18	Atosiban Acetate	Tractocile hoặc tương đương	BDG	7,5mg/ml Atosiban; 5ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để truyền tĩnh mạch	Lọ	80
19	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zitromax hoặc tương đương	BDG	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Lọ	120
20	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zitromax hoặc tương đương	BDG	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	40100
21	Betahistin dihydroclorid	Betaserc 24mg hoặc tương đương	BDG	24mg	Uống	Viên nén	Viên	180000
22	Bevacizumab	Avastin hoặc tương đương	BDG	100mg/4ml; 4ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	120
23	Bevacizumab	Avastin hoặc tương đương	BDG	400mg/16ml; 16ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	110
24	Bicalutamide	Casodex hoặc tương đương	BDG	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2450
25	Bilastin	Bilaxten hoặc tương đương	BDG	20mg	Uống	Viên	Viên	6000
26	Bimatoprost	Lumigan hoặc tương đương	BDG	0,3mg/3ml; 3ml dung dịch trong lọ dung tích 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	900
27	Bimatoprost; Timolol (dưới dạng Timololmaleat 6,8mg)	Ganfort hoặc tương đương	BDG	0,3mg/ml, 5mg/ml; 3ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	720
28	Bisoprolol fumarate	Concor 5mg hoặc tương đương	BDG	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	80000
29	Bisoprolol fumarate (Phenoxy-amino-propanols)	Concor Cor hoặc tương đương	BDG	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	120000
30	Brinzolamide	Azopt Drop 1% 5ml hoặc tương đương	BDG	Brinzolamide 10mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	1200
31	Bromfenac sodium hydrate (Bromfenac natri hydrat)	Bronuck ophthalmic solution 0.1% hoặc tương đương	BDG	1mg/mL; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	2000

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
32	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Rapihaler hoặc tương đương	BDG	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg, Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Hô hấp	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Bình	5000
33	Budesonide	Pulmicort Respules hoặc tương đương	BDG	500 mcg/2 ml	Hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Ống	3000
34	Budesonide, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler hoặc tương đương	BDG	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonide 160 mcg + Formoterol fumarate dihydrate 4,5 mcg; 120 liều	Hô hấp	Thuốc bột để hít	Ống	3200
35	Budesonide, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler hoặc tương đương	BDG	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonide 160 mcg + Formoterol fumarate dihydrate 4,5 mcg; 60 liều	Hô hấp	Thuốc bột để hít	Ống	1400
36	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic hoặc tương đương	BDG	50IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	1050
37	Carbamazepine	Tegretol CR 200 hoặc tương đương	BDG	200mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Viên	145000
38	Caspofungin (dưới dạng caspofungin acetate 55,5 mg) 50mg	Cancidas hoặc tương đương	BDG	50mg	Tiêm/Tiêm truyền	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	400
39	Caspofungin (dưới dạng caspofungin acetate 77,7 mg) 70mg	Cancidas hoặc tương đương	BDG	70mg	Tiêm/Tiêm truyền	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	60
40	Ceftriaxone	Rocephin 1g I.V hoặc tương đương	BDG	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Lọ	1800
41	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime axetil)	Zinnat tablets 500mg hoặc tương đương	BDG	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8000
42	Celecoxib	Celebrex hoặc tương đương	BDG	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	120.000
43	Ceritinib	Spexib 150mg hoặc tương đương	BDG	150mg	Uống	Viên	Viên	6000
44	Ciclosporin	Sandimmun Neoral 100mg hoặc tương đương	BDG	100mg	Uống	Viên	Viên	3000
45	Ciprofloxacin	Ciprobay 200 hoặc tương đương	BDG	200mg/100ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	900
46	Ciprofloxacin	Ciprobay 400mg hoặc tương đương	BDG	400mg/200ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	3600
47	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin Hydrochlorid)	Ciprobay 500 hoặc tương đương	BDG	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	36.000
48	Clarithromycin	Klacid MR hoặc tương đương	BDG	Clarithromycin 500 mg	Uống	Viên nén giải phóng biến đổi	Viên	2000
49	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin Hydrochloride)	Dalacin C hoặc tương đương	BDG	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	36.000
50	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat); Acid acetylsalicylic	Duoplavin hoặc tương đương	BDG	75mg; 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	160000
51	Clopidogrel base (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphate 97,875mg)	Plavix 75mg hoặc tương đương	BDG	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15000
52	Clopidogrel base (tương đương với Clopidogrel hydrogen sulphate 391,5mg)	Plavix hoặc tương đương	BDG	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1800

PHÒNG
Y HỌC
MÃN
GIÁO
DỤC

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
53	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate) 110mg	Pradaxa hoặc tương đương	BDG	110 mg	Uống	Viên nang	Viên	30000
54	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate) 150mg	Pradaxa hoặc tương đương	BDG	150mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	30000
55	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate) 75mg	Pradaxa hoặc tương đương	BDG	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	6000
56	Dapagliflozin	Forxiga hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	120000
57	Desloratadin	Aerius hoặc tương đương	BDG	0,5mg/ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ	600
58	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat 0,1mg)	Minirin hoặc tương đương	BDG	0.089mg	Uống	Viên nén	Viên	63000
59	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol) 50mg/2ml	Sympal hoặc tương đương	BDG	50mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm bắp chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha	Ống	6000
60	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel hoặc tương đương	BDG	1,16g/100g gel; 20g	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Tuýp	4800
61	Diclofenac natri	Voltaren hoặc tương đương	BDG	100mg	Đặt	Viên đạn	Viên	26000
62	Dienogest	Visanne 2mg tablets hoặc tương đương	BDG	2mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000
63	Diosmin + Hesperidin	Daflon 500mg hoặc tương đương	BDG	450mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	180000
64	Docetaxel	Taxotere hoặc tương đương	BDG	20mg/1ml; 1ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	120
65	Docetaxel	Taxotere hoặc tương đương	BDG	80mg/4ml; 4ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	140
66	Doxazosin (dưới dạng Doxazosin mesylate)	Carduran hoặc tương đương	BDG	2 mg	Uống	Viên	Viên	11000
67	Drospirenon, Ethinylestradiol	Yasmin hoặc tương đương	BDG	3,0mg; 0,03mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.100
68	Drotaverin hydrochloride	No-Spa 40mg/2ml hoặc tương đương	BDG	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	2000
69	Drotaverin hydrochloride	No-spa Forte hoặc tương đương	BDG	80mg	Uống	Viên	Viên	72000
70	Dutasteride	Avodart hoặc tương đương	BDG	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	48000
71	Dydrogesterone	Duphaston hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2000
72	Empagliflozin	Jardiance hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30000
73	Empagliflozin	Jardiance hoặc tương đương	BDG	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	60000
74	Enoxaparin Natri	Lovenox hoặc tương đương	BDG	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	18000
75	Enoxaparin Natri	Lovenox hoặc tương đương	BDG	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	5000
76	Epoetin alfa	Eprex 2000 U hoặc tương đương	BDG	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	600
77	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz hoặc tương đương	BDG	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Lọ	2000

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
78	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	Nexium Mups hoặc tương đương	BDG	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Viên	18000
79	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate)	Nexium hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	Gói	3000
80	Esomeprazole natri	Nexium hoặc tương đương	BDG	40mg Esomeprazole	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Lọ	10000
81	Etoricoxib	Arcoxia 60mg hoặc tương đương	BDG	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	12.000
82	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrate nanoparticles)	Lipanthyl NT 145mg hoặc tương đương	BDG	145mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	6000
83	Fenofibrate	Lipanthyl 200M hoặc tương đương	BDG	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	12.000
84	Fenofibrate	Lipanthyl Supra 160mg hoặc tương đương	BDG	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	12.000
85	Fexofenadin hydroclorid	Telfast HD hoặc tương đương	BDG	180mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20.000
86	Filgrastim	Neupogen hoặc tương đương	BDG	30MU/0,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	740
87	Fluticasone propionate	Flixotide Evohaler hoặc tương đương	BDG	125mcg/liều xịt; 120 liều	Hô hấp	Thuốc dạng phun mũi định liều	Bình Xịt	600
88	Fluvoxamine maleate	Luvox 100mg hoặc tương đương	BDG	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20000
89	Fosfomycin Calcium hydrate	Fosmicin tablets 500 hoặc tương đương	BDG	500mg	Uống	Viên nén	Viên	6.000
90	Fulvestrant	Faslodex hoặc tương đương	BDG	50mg/ml; 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	80
91	Gabapentin	Neurontin hoặc tương đương	BDG	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	12.000
92	Gefitinib	Iressa hoặc tương đương	BDG	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3600
93	Gliclazide	Diamicron MR hoặc tương đương	BDG	30mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	100000
94	Gliclazide	Diamicron MR 60mg hoặc tương đương	BDG	60mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	60000
95	Goserelin (dưới dạng goserelin acetat)	Zoladex hoặc tương đương	BDG	10,8mg	Tiêm	Thuốc tiêm dưới da (cây phóng thích chậm)	Bơm tiêm	90
96	Goserelin (dưới dạng goserelin acetat)	Zoladex hoặc tương đương	BDG	3,6mg	Tiêm	Thuốc tiêm dưới da (cây phóng thích chậm)	Bơm tiêm	600
97	Hyoscin butylbromid	Buscopan hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	12.000
98	Iloprost (dưới dạng Iloprost trometamol)	Ilomedin 20 hoặc tương đương	BDG	20 mcg/1ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Ống	240
99	Indapamide	Natrilix SR hoặc tương đương	BDG	1.5mg	Uống	Viên bao phim giải phóng kéo dài	Viên	120000
100	Infliximab	Remicade hoặc tương đương	BDG	100mg	Tiêm	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	60
101	Insulin aspart	Novorapid Flexpen hoặc tương đương	BDG	300U/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bút Tiêm	140

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
102	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	NovoMix 30 FlexPen hoặc tương đương	BDG	100U/1ml; 3ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Bút Tiêm	6000
103	Insulin degludec	Tresiba Flextouch 100U/ml hoặc tương đương	BDG	10,98mg (100U/ml); 3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bút Tiêm	800
104	Insulin glargine	Lantus Solostar hoặc tương đương	BDG	300UI/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút Tiêm	1000
105	Iod (dưới dạng Iopamidol 612,4mg/ml)	Iopamiro hoặc tương đương	BDG	300mg/ml; 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai	5000
106	Iod (dưới dạng Iopamidol 755,3mg/ml)	Iopamiro hoặc tương đương	BDG	370mg/ml; 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai	600
107	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Xenetix 300 hoặc tương đương	BDG	30g/100ml x 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	5000
108	Iodine (dưới dạng Iobitridol 76,78g/100ml)	Xenetix 350 hoặc tương đương	BDG	35g/100ml x 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	600
109	Iodixanol	Visipaque hoặc tương đương	BDG	652mg/ml (320mg I/ml); 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai	100
110	Iohexol	Omnipaque hoặc tương đương	BDG	Iohexol 647mg/ml (tương đương Iod 300mg/ml); 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai	1500
111	Iohexol	Omnipaque hoặc tương đương	BDG	Iod 300mg/ml x 50ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai	1500
112	Iopromide	Ultravist 300 hoặc tương đương	BDG	623,40mg/ml; 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Chai	1500
113	Iopromide	Ultravist 370 hoặc tương đương	BDG	768,86mg/ml; 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Chai	600
114	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) 0,5mg; Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2,5 mg	Combivent hoặc tương đương	BDG	0,5mg + 2,5mg; 2,5ml	Đường Hô Hấp	Dung dịch khí dung	Lọ	120000
115	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) 0,02mg/nhát xịt; Fenoterol Hydrobromide 0,05mg/nhát xịt	Berodual hoặc tương đương	BDG	0,02mg/nhát xịt; 0,05mg/nhát xịt; 200 nhát xịt (10ml)	Hô hấp	Dung dịch khí dung	Bình	3000
116	Irbesartan	Aprovel hoặc tương đương	BDG	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	81000
117	Irbesartan; Hydrochlorothiazide	Coaprovel hoặc tương đương	BDG	150mg; 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	84000
118	Irinotecan hydroclorid trihydrate	Campto hoặc tương đương	BDG	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	260

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
119	Isoleucine ; Leucine ; Lysine (dưới dạng lysine HCl) ; Methionine ; Phenylalanine ; Threonine ; Tryptophan ; Valine ; Arginine ; Histidine ; Alanine; Glycine ; Aspartic acid ; Glutamic acid ; Proline ; Serine ; Tyrosine ; Sodium acetate trihydrate ; Sodium hydroxide ; Potassium acetate ; Magnesium chloride hexahydrate ; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasma B.Braun 10%E hoặc tương đương	BDG	10% E (Mỗi 250ml chứa: 1,25g + 2,225g + 1,7125g + 1,10g + 1,175g + 1,05g + 0,40g + 1,55g; 2,875g + 0,75g + 2,625g + 3,00g + 1,40g + 1,80g + 1,375g + 0,575g + 0,10g + 0,7145g + 0,09g + 0,61325g + 0,127g + 0,89525g.); 250ml	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai	4500
120	Itopride hydrochloride	Elthon 50mg hoặc tương đương	BDG	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	60000
121	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride)	Procoralan hoặc tương đương	BD	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	60000
122	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride)	Procoralan hoặc tương đương	BDG	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	60000
123	Ivabradine	Procoralan hoặc tương đương	BDG	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	63000
124	Lacidipin	Lacipil 2mg hoặc tương đương	BDG	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	24000
125	Lacidipine	Lacipil 4mg hoặc tương đương	BDG	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	24000
126	Lactulose	Duphalac hoặc tương đương	BDG	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	30000
127	Lactulose (dưới dạng Lactulose concentrate)	Duphalac hoặc tương đương	BDG	10g/15ml; 200ml	Uống	Dung dịch uống	Chai	2000
128	Levetiracetam	Keppra hoặc tương đương	BDG	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000
129	Levofloxacin	Cravit Tab 500 hoặc Tavanic hoặc tương đương	BDG	500mg	Uống	Viên	Viên	12000
130	Levofloxacin hydrat	Cravit 1.5% hoặc tương đương	BDG	15mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	1000
131	Levofloxacin hydrat	Cravit hoặc tương đương	BDG	5mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	940
132	Levothyroxin natri	Levothyrox hoặc tương đương	BDG	100mcg	Uống	Viên nén	Viên	160000
133	Levothyroxine natri	Levothyrox hoặc tương đương	BDG	50mcg	Uống	Viên nén	Viên	60000
134	Levothyroxine natri	Levothyrox hoặc tương đương	BDG	75mcg	Uống	Viên nén	Viên	45000
135	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly hoặc tương đương	BDG	2%; 30g	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	2000
136	Linagliptin	Trajenta hoặc tương đương	BDG	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15000
137	Linagliptin + Metformin HCl	Trajenta Duo hoặc tương đương	BD	2,5 mg + 850 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	4050
138	Linezolid	Zyvox hoặc tương đương	BDG	600mg/300ml	Tiêm	Dung dịch truyền	Túi	1000
139	Liraglutide	Saxenda 6mg/ml hoặc tương đương	BDG	18mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	1.000



STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
140	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetate + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine, L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Histidine + L-Proline + L-Serine + L-Tyrosine + Glycine	Morihepamin hoặc tương đương	BDG	7,58%; 200ml	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi	3600
141	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetate + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine, L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Histidine + L-Proline + L-Serine + L-Tyrosine + Glycine	Morihepamin hoặc tương đương	BDG	7,58%; 500ml	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi	400
142	Losartan potassium	Cozaar 50mg hoặc tương đương	BDG	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30.000
143	Loteprednol etabonate	Lotemax hoặc tương đương	BDG	0,5% (5mg/ml); 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt mắt vô trùng	Lọ	500
144	Mebeverine hydrochloride	Duspatalin retard hoặc tương đương	BDG	200 mg	Uống	Viên nang giải phóng kéo dài	Viên	45000
145	Meloxicam	Mobic hoặc tương đương	BDG	7,5mg	Uống	Viên nén	Viên	24.000
146	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meronem hoặc tương đương	BDG	1g	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Lọ	2000
147	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meronem hoặc tương đương	BDG	1g	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Lọ	600
148	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meronem hoặc tương đương	BDG	500mg	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Lọ	1000
149	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meronem hoặc tương đương	BDG	500mg	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Lọ	750
150	Metformin hydrochlorid	Glucophage XR 750mg hoặc tương đương	BDG	750mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	600000
151	Metformin hydrochlorid	Glucophage XR 1000mg hoặc tương đương	BDG	1000mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	36.000
152	Metformin hydrochlorid 500mg (tương đương với metformin 390mg), Glibenclamid 5mg	Glucovance 500mg/5mg hoặc tương đương	BDG	500mg; 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30000
153	Metformin hydrochlorid, Glibenclamide	Glucovance 500mg/2,5mg hoặc tương đương	BDG	Metformin hydrochlorid 500mg (tương đương với metformin 390mg), Glibenclamid 2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20000
154	Methylprednisolon	Medrol hoặc tương đương	BDG	16mg	Uống	Viên nén	Viên	72.000
155	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol hoặc tương đương	BDG	40mg, Lọ Act-O-Vial 1ml	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	2000

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
156	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol hoặc tương đương	BDG	500mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	25
157	Methylprednisolone	Medrol hoặc tương đương	BDG	4mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000
158	Methylprednisolone hemisuccinat	Solu-Medrol hoặc tương đương	BDG	125mg Methylprednisolone, Lọ Act-O-Vial 2 ml	Tiêm	Bột vô khuẩn pha tiêm	Lọ	1800
159	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 25mg hoặc tương đương	BDG	23,75 mg Metoprolol succinate tương đương với 25mg Metoprolol tartrate	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	20000
160	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 50mg hoặc tương đương	BDG	47,5 mg metoprolol succinate tương đương với 50mg metoprolol tartrate	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	150000
161	Mỗi 100ml chứa: Mediumchain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g	Lipidem hoặc tương đương	BDG	Mỗi 100ml chứa: Mediumchain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g; 250ml	Tiêm	Nhũ tương tiêm truyền	Chai	2000
162	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid Zoledronic (dưới dạng Acid Zoledronic monohydrate) 4mg	Zometa 4mg hoặc tương đương	BDG	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid Zoledronic (dưới dạng Acid Zoledronic monohydrate) 4mg	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai	30
163	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised)	Seretide evohaler DC 25/125mcg hoặc tương đương	BDG	25mcg, 125mcg; 120 liều	Hô hấp	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Bình Xịt	2000
164	Mỗi liều xịt chứa: Mometasone furoate (dưới dạng mometasone furoate monohydrate) 50 µg (mcg)	Nasonex hoặc tương đương	BDG	50mcg/nhất xịt	Xịt mũi	Hỗn hợp xịt mũi	Hộp	2.000
165	Mỗi lọ 5ml hỗn dịch chứa: Pirenixin 0,25mg	Kary Uni hoặc tương đương	BDG	Mỗi lọ 5ml hỗn dịch chứa: Pirenixin 0,25mg	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	3600
166	Mỗi ml chứa: Gadoxetate disodium 0,25mmol tương đương 181,43mg	Primovist hoặc tương đương	BDG	Mỗi ml chứa: Gadoxetate disodium 0,25mmol tương đương 181,43mg; 10 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	60
167	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	Singulair hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20.000
168	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin HCl)	Avelox hoặc tương đương	BD	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	480
169	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin HCl)	Avelox hoặc tương đương	BD	400mg/250ml	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai / Túi	500
170	Moxifloxacin HCl	Vigamox hoặc tương đương	BDG	0,5% moxifloxacin; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	2000
171	Muối natri của acid Hyaluronic (Hyalactin)	Hyalgan hoặc tương đương	BDG	20mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm trong khớp	Ống	2000
172	Muối natri của acid Hyaluronic (Hyalactin)	Hyalgan hoặc tương đương	BDG	20mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm trong khớp	Ống	8000
173	Mycophenolate mofetil	Cellcept 250mg hoặc tương đương	BDG	250mg	Uống	Viên	Viên	20000
174	Natri Hyaluronate	Sanlein 0,1 hoặc tương đương	BDG	1mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	7500
175	Natri valproate 333mg, Acid valproic 145mg	Depakine Chrono hoặc tương đương	BDG	333mg;145mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	360000

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
176	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol HCl)	Nebilet hoặc tương đương	BDG	5mg	Uống	Viên nén	Viên	15000
177	Nifedipine	Adalat LA 30mg hoặc tương đương	BDG	30mg	Uống	Viên phóng thích kéo dài	Viên	10000
178	Nimodipine	Nimotop hoặc tương đương	BDG	30 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	9000
179	Nintedanib (dưới dạng Nintedanib esilate) 100 mg	Ofev hoặc tương đương	BDG	Nintedanib (dưới dạng Nintedanib esilate) 100 mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	720
180	Nintedanib (dưới dạng Nintedanib esilate) 150 mg	Ofev hoặc tương đương	BDG	Nintedanib (dưới dạng Nintedanib esilate) 150 mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	1440
181	Octreotide	Sandostatin hoặc tương đương	BD	0.1mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	4800
182	Ofloxacin	Oflovid hoặc tương đương	BDG	15mg/5ml	Nhỏ Mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	300
183	Olopatadine Hydrochloride	Pataday hoặc tương đương	BDG	0,2%; 2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Chai	500
184	Osimertinib (tương ứng 95,4 mg Osimertinib mesylat)	Tagrisso hoặc tương đương	BDG	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5460
185	Otilonium bromide	Spasmomen hoặc tương đương	BDG	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3000
186	Oxaliplatin	Eloxatin hoặc tương đương	BDG	100mg/20ml; 20ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	400
187	Oxaliplatin	Eloxatin hoặc tương đương	BDG	50mg/10ml; 10ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	180
188	Paclitaxel	Anzatax 100mg/16,7ml hoặc tương đương	BDG	100mg/16,7ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	100
189	Paclitaxel	Anzatax 150mg/25ml hoặc tương đương	BDG	150mg/25ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	200
190	Paclitaxel	Anzatax 30mg/5ml hoặc tương đương	BDG	30mg/5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	480
191	Palbociclib	Ibrance 100mg hoặc tương đương	BDG	100mg	Uống	Viên	Viên	504
192	Palbociclib	Ibrance 125mg hoặc tương đương	BDG	125mg	Uống	Viên	Viên	504
193	Palbociclib	Ibrance 75mg hoặc tương đương	BDG	75mg	Uống	Viên	Viên	504
194	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole sodium sesquihydrate)	Pantoloc I.V hoặc tương đương	BDG	40mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch	Lọ	6000
195	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole sodium sesquihydrate)	Pantoloc 20mg hoặc tương đương	BDG	20 mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	6000
196	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole sodium sesquihydrate)	Pantoloc 40mg hoặc tương đương	BDG	40 mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	6000
197	Pazopanib (dưới dạng Pazopanib Hydrochloride)	Votrient hoặc tương đương	BDG	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3000
198	Pegfilgrastim	Neulastim hoặc tương đương	BDG	6mg/0,6ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	10

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
199	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	Cerebrolysin hoặc tương đương	BDG	215,2mg/ml; 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm/ dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Ống	5000
200	Perindopril Arginine	Coversyl 10mg hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30000
201	Perindopril Arginine	Coversyl 5mg hoặc tương đương	BDG	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15000
202	Pertuzumab	Perjeta 420MG/14ML hoặc tương đương	BDG	420mg/14ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Lọ	100
203	Phospholipid	Survanta hoặc tương đương	BDG	25mg/ml; 4ml	Nội Khí Quản	Hỗn dịch	Lọ	22
204	Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn	Curosurf hoặc tương đương	BDG	120mg/1,5ml	Nội Khí Quản	Hỗn dịch bơm ống nội khí quản	Lọ	20
205	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) 4g; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0,5g	Tazocin hoặc tương đương	BDG	4g + 0,5g	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	12000
206	Pramipexole dihydrochloride monohydrate (tương đương Pramipexole 0,26mg)	Sifrol hoặc tương đương	BD	0.375mg	Uống	Viên nén phóng thích chậm	Viên	5400
207	Pramipexole dihydrochloride monohydrate 0,25mg tương đương với Pramipexole 0,18mg	Sifrol hoặc tương đương	BD	Pramipexole 0,18mg	Uống	Viên nén	Viên	30000
208	Pregabalin	Lyrica hoặc tương đương	BDG	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	20.000
209	Propofol	Diprivan hoặc tương đương	BDG	1% (10mg/ml); 20ml	Tiêm	Nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống	4000
210	Propofol	Diprivan hoặc tương đương	BDG	1% (10mg/ml); 50ml	Tiêm	Nhũ tương dùng tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Bơm tiêm	400
211	Regorafenib	Stivarga hoặc tương đương	BDG	40mg	Uống	Viên	Viên	2268
212	Ribociclib	Kryxana hoặc tương đương	BDG	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5000
213	Rivaroxaban	Xarelto hoặc tương đương	BDG	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	7500
214	Rivaroxaban	Xarelto hoặc tương đương	BDG	15 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30000
215	Rivaroxaban	Xarelto hoặc tương đương	BDG	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5400
216	Rivaroxaban	Xarelto hoặc tương đương	BDG	20 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30000
217	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	Anaropin hoặc tương đương	BDG	5mg/ml; 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm nội tủy mạc (dưới màng nhện)	Ống	3000
218	Rosuvastatin	Crestor 10 mg hoặc tương đương	BDG	10mg	Uống	Viên	Viên	36000
219	Rosuvastatin	Crestor 20mg hoặc tương đương	BDG	20mg	Uống	Viên	Viên	6000
220	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inhaler hoặc tương đương	BDG	100mcg/ liều xịt; 200 liều	Hô hấp	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình Xịt	2400

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
221	Salmeterol; Fluticason propionat	Seretide Accuhaler 50/250mcg hoặc tương đương	BDG	(50mcg; 250mcg)/liều	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	Hộp (1 bình hít)	400
222	Salmeterol; Fluticason propionat	Seretide Accuhaler 50/500mcg hoặc tương đương	BDG	(50mcg; 500mcg)/liều	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	Hộp (1 bình hít)	300
223	Sertraline (dưới dạng Sertraline HCl)	Zoloft hoặc tương đương	BDG	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	24000
224	Sevoflurane	Sevorane hoặc tương đương	BDG	100% w/w; 250ml	Hô hấp	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Chai	400
225	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	Viagra hoặc tương đương	BDG	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	300
226	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin monohydrate phosphate)	Januvia 50mg hoặc tương đương	BDG	50mg Sitagliptin	Uống	Viên nén bao phim	Viên	6000
227	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 100mg	Januvia 100mg hoặc tương đương	BDG	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	9.000
228	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin Phosphate monohydrate) , Metformin Hydrochloride	Janumet 50mg/850mg hoặc tương đương	BDG	50mg; 850mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	7200
229	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate); Metformin Hydrochloride	Janumet 50mg/1000mg hoặc tương đương	BDG	50mg, 1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	42.000
230	Solifenacine succinate	Vesicare 5mg hoặc tương đương	BDG	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	25000
231	Sorafenib	Nexavar hoặc tương đương	BDG	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	16720
232	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	Bridion hoặc tương đương	BDG	100mg/ml; 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Lọ	300
233	Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 0,5g; Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri) 1g	Unasyn hoặc tương đương	BDG	0,5g + 1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm, truyền	Lọ	18000
234	Sultamicillin Tosilat	Unasyn hoặc tương đương	BD	375mg Sultamicillin	Uống	Viên nén bao phim	Viên	45000
235	Tacrolimus	Prograf 0.5mg hoặc tương đương	BDG	0,5mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	20000
236	Tacrolimus	Prograf 1mg hoặc tương đương	BDG	1mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	10000
237	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrate)	Advagraf hoặc tương đương	BDG	0,5mg	Uống	Viên nang cứng phóng thích kéo dài	Viên	10000
238	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrate)	Advagraf hoặc tương đương	BDG	1mg	Uống	Viên nang cứng phóng thích kéo dài	Viên	10000
239	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrate)	Advagraf hoặc tương đương	BDG	5mg	Uống	Viên nang cứng phóng thích kéo dài	Viên	5000
240	Tafluprost	Taflotan hoặc tương đương	BDG	0,015mg/ml; 2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	300
241	Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat)	Nolvadex-D hoặc tương đương	BDG	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	24.000
242	Tamsulosin HCl	Harnal Ocas 0,4mg hoặc tương đương	BDG	0,4mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Viên	72000
243	Telmisartan	Micardis hoặc tương đương	BDG	40 mg	Uống	Viên nén	Viên	120000
244	Telmisartan	Micardis hoặc tương đương	BDG	80mg	Uống	Viên nén	Viên	60000
245	Ticagrelor	Brilinta hoặc tương đương	BDG	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15000
246	Tigecyclin	Tygacil hoặc tương đương	BDG	50mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	4000

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
247	Tiotropium	Spiriva Respimat hoặc tương đương	BDG	0,0025mg/nhát xịt; Ống thuốc 4ml chứa 60 nhát xịt + 1 bình xịt định liều	Hô hấp	Dung dịch để hít	Hộp	400
248	Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex hoặc tương đương	BDG	3mg/ml + 1mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	2250
249	Tobramycine	Tobrex hoặc tương đương	BDG	0,3%; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	1270
250	Topiramate	Topamax hoặc tương đương	BDG	25mg	Uống	Viên	Viên	81000
251	Trastuzumab	Herceptin hoặc tương đương	BDG	600mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	30
252	Trastuzumab	Herceptin hoặc tương đương	BDG	150mg	Tiêm	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	Lọ	150
253	Trastuzumab	Herceptin hoặc tương đương	BDG	440mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	150
254	Trimetazidine dihydrochloride	Vastarel MR hoặc tương đương	BDG	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có biến đổi	Viên	240000
255	Trimetazidine dihydrochloride	Vastarel OD 80mg hoặc tương đương	BDG	80mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Viên	200000
256	Valsartan	Diovan 80 hoặc tương đương	BDG	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30000
257	Valsartan, Hydrochlorothiazide	Co-Diovan 160/25 hoặc tương đương	BDG	160mg Valsartan; 25mg Hydrochlorothiazide	Uống	Viên nén bao phim	Viên	24000
258	Vildagliptin	Galvus hoặc tương đương	BDG	50mg	Uống	Viên nén	Viên	9000
259	Vinorelbine	Navelbine 20mg hoặc tương đương	BDG	20mg	Uống	Viên	Viên	360
260	Vinorelbine	Navelbine 30mg hoặc tương đương	BDG	30mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	450
261	Vinpocetine	Cavinton forte hoặc tương đương	BD	10mg	Uống	Viên nén	Viên	10000
262	Ginkgo biloba extract	Tanakan 40mg hoặc tương đương	BDG	40mg	Uống	Viên	Viên	24.000



CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhân dân Gia Định
Địa chỉ: số 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, TP.HCM
Theo Công văn số **280** /BVNDGD-KD ngày **29** / **01** /2026 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT trong thư mời chào giá	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	SDK hoặc Số GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nhóm TCKT	Thông tin đơn vị trúng thầu (nếu có)						Giá kê khai (VND) cập nhất gần nhất (nếu có)		
														Nhà trúng thầu	Nhóm TCKT	Đơn vị trúng thầu	Số TBMT trên hệ thống mua sắm công	Số quyết định trúng thầu	Ngày quyết định trúng thầu		Đơn giá (có VAT)	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
.....																						
.....																						

- Yêu cầu báo giá:
- Báo giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày ký.
 - Đơn giá: đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của mời thầu.

....., Ngày.... tháng..... năm 2026
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

